TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CL** TỈNH BT	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 185/2022/DS-ST
Ngày: 31-8-2022
V/v "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CL, TỈNH BT

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hà Công Tâm.

2. Bà Bùi Thị Tuyết Thanh.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Phạm Thị Kim Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện CL.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CL, tỉnh BT *tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CL, tỉnh BT xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 90/2022/TLST - DS ngày 13 tháng 4 năm 2022 về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 92/2022/QĐXXST-DS, ngày 20 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: ông Nguyễn Hoàng V - sinh năm 1975; địa chỉ: ấp LH, xã HN, huyện CL, tỉnh BT. Có mặt.

Bị đơn: bà Nguyễn Thị M - sinh năm 1969; địa chỉ: ấp PĐB, xã PP, huyện CL, tỉnh BT. Vắng mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm: 1965; địa chỉ: ấp PĐB, xã PP, huyện CL, tỉnh BT. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 28/12/2021, văn bản trình bày ý kiến ngày 20/5/2022 và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn (ông Nguyễn Hoàng V) trình bày: Vào ngày 26/11/2018 bà M và chồng bà là ông Đ có đến mượn ông V số tiền là 300.000.000đ để làm vốn kinh doanh mua xe tải, ông Đ bà M thỏa thuận với ông thế chấp quyền sử dụng đất để làm tin (hợp đồng thế chấp có công chứng tại phòng công chứng ĐT), theo hợp đồng thế chấp giao kết 12 tháng sẽ trả lại ông số tiền 300.000.000đồng. Sau 12 tháng ông Đ bà M không khả năng

trả nên đến hỏi ông V mượn lại sổ đỏ để bán đất trả nợ cho ông V khoảng tiền trên, lãi suất hai bên thỏa thuận miệng với nhau là 1.5% tháng. Ông V tin bà M nên giao lại sổ đỏ cho bà M, nhưng sau khi bán ông bà chỉ trả lại cho ông V 250.000.000đ tiền gốc, còn nợ lại 50.000.000đ và tiền lãi ông bà M không trả.

Nay ông Nguyễn Hoàng V yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị M, ông Nguyễn Văn Đ liên đới trả lại cho ông V số tiền gốc là 50.000.000đồng và tiền lãi như thỏa thuận ban đầu là 54.000.000đồng, tổng cộng ông V yêu cầu ông Đ, bà M trả 104.000.000đồng.

Đối với bị đơn bà M và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (ông Đ) tuy vắng mặt nhưng tại biên bản lấy lời khai ngày 05/7/2022, bà Nguyễn Thị M trình bày: Bà thừa nhận trước đây bà có vay và thế chấp bằng khoán cho ông Nguyễn Hoàng V để nhận số tiền 300.000.000đồng, nhưng bà M đã trả cho ông V được 250.000.000đồng, còn nợ lại 50.000.000đồng. Mục đích bà M mượn tiền là để xoay sở trả tiền nợ cá nhân, không phải sử dụng cho mục đích sinh hoạt gia đình nên nay bà M đồng ý trả cho ông V số tiền 50.000.000đồng và xin trả dần, nhưng không đồng ý trả tiền lãi vì bà đã trả tiền lãi đầy đủ.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- *Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Tòa án:* Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết đã thực hiện đúng quy định tại Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 - Thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thu thập chứng cứ, tống đạt văn bản… đúng quy định (Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 68, 177, 208,… của Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng*: thực hiện đúng quy định của Điều 70, 71, 72, 73 Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về quan điểm giải quyết vụ án*:

Căn cứ Điều 463, 466, 468, của Bộ luật dân sự đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

+ Đình chỉ yêu cầu tính lãi do nguyên đơn rút đơn tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: theo đơn khởi kiện ông V yêu cầu bà M, ông Đ cùng liên đới trả cho ông số tiền gốc + lãi là 104.000.000đồng nên đây là vụ án "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự năm 2015. Bị đơn bà M ông Đ cùng cư trú tại ấp PĐ B, xã PP, huyện CL, tỉnh BT nên Tòa án nhân dân huyện CL thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về tố tụng: bà M, ông Đ đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn cố tình vắng mặt không lý do, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông bà là phù hợp qui định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Nguyên đơn ông Nguyễn Hoàng V yêu cầu bà M, ông Đ cùng liên đới trả cho ông số tiền gốc là 50.000.000 đồng và cung cấp chứng cứ là hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất ngày 26/11/2018.

Xét thấy, hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất được công chứng ngày 26/11/2018 tại phòng công chứng PĐT, giữa bên thế chấp là bà Nguyễn Thị M, ông Nguyễn Văn Đ, bên nhận thế chấp là ông Nguyễn Hoàng V, có nội dung ghi nhận tại khoản 2 Điều 1 của hợp đồng như sau: "*Nghĩa vụ được đảm bảo là: Trả tiền vay, tiền lãi, số tiền vay là 300.000.000đồng, lãi suất do hai bên tự thỏa thuận, thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày 26/11/2018"*. Điều đó cho thấy, bà M, ông Đ đã có ký hợp đồng thế chấp để đảm bảo cho khoản nợ vay của ông V là 300.000.000đồng. Tuy nhiên, ông V thừa nhận bà M, ông Đ đã trả cho ông V là 250.000.000đồng, còn nợ lại số tiền gốc là 50.000.000đồng, sự việc này đã được bà M thừa nhận tại biên bản lấy lời khai ngày 05/7/2022 nên đây là tình tiết không phải chứng minh theo qui định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.2] Ngoài ra, bà M còn nại rằng, bà mượn tiền để trả nợ cá nhân chứ không sử dụng cho mục đích sinh hoạt gia đình, nhưng đối chiếu với hợp đồng thế chấp xác lập ngày 26/11/2018 tại phòng công chứng PĐT thì chính ông Đ đã ủy quyền cho bà M để ký hợp đồng thế chấp. Điều đó chứng tỏ ông Đ biết việc bà M vay mượn tiền của ông V, hơn nữa bà M và ông Đ vẫn còn là vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân. Do đó, có cơ sở buộc ông Đ cùng liên đới với bà M trả lại cho ông V số tiền nợ còn lại là 50.000.000đồng là phù hợp với qui định tại điều 27 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[2.3] Theo đơn khởi kiện thì nguyên đơn ông V yêu cầu bà M, ông Đ cùng liên đới chịu lãi suất theo thỏa thuận là 54.000.000đ. Tuy nhiên, tại phiên tòa ông V cho rằng hiện tại hoàn cảnh bà M, ông Đ khó khăn nên nếu yêu cầu lãi bà M, ông Đ sẽ không khả năng thanh toán. Vì vậy, ông V xin rút yêu cầu về việc tính lãi. Xét thấy, việc ông V rút yêu cầu tính lãi là hoàn toàn tự nguyện nên ghi nhận.

[3] Từ các căn cứ trên, xét thấy lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CL là có căn cứ nên chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là: 50.000.000 đồng x 5%= 2.500.000đồng. Do yêu cầu khởi kiện của ông V được chấp nhận nên bà M ông Đ phải có nghĩa vụ liên đới chịu số tiền án phí trên là phù hợp theo qui định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết 326.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 463, 466, 357, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hoàng V đối với bà Nguyễn Thị M và ông Nguyễn Văn Đ.

Buộc bà Nguyễn Thị M và ông Nguyễn Văn Đ phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Nguyễn Hoàng V số tiền gốc là 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng).

Đình chỉ yêu cầu tính lãi của ông Nguyễn Hoàng V (do ông V tự nguyện rút đơn tại phiên tòa).

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự cho đến khi thi hành xong khoản tiền nêu trên.

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 50.000.000đ x 5% = 2.500.000đồng.

- Buộc bà Nguyễn Thị M và ông Nguyễn Văn Đ phải có nghĩa vụ liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 2.500.000đ (Hai triệu năm trăm nghìn đồng).

- Hoàn trả lại cho ông Nguyễn Hoàng V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.600.000đ (Hai triệu sáu trăm đồng) theo biên lai thu số 0006833, ngày 08/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CL, tỉnh BT.

Quyền kháng cáo: ông Nguyễn Hoàng V có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bà M, ông Đ có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *VKSND huyện CL;*
- *Chi cục THADS huyện CL;*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Các đương sự;
- Lưu HSVA+VP.

LÊ THỊ THÚY HẰNG